

II – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 6

1. Cấu trúc của chương trình

Chương trình lịch sử lớp 6 – THCS gồm ba phần :

Phần Mở đầu, giới thiệu những bài học chung, sơ lược về môn Lịch sử.

Phần một – Khái quát Lịch sử thế giới cổ đại, giới thiệu lịch sử thế giới từ khi loài người xuất hiện đến cuối thời cổ đại.

Phần hai – Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X, giới thiệu lịch sử dân tộc từ thời nguyên thuỷ đến đầu thế kỉ X.

So với chương trình lớp 6 cũ, ngoài việc giảm phần nội dung về lịch sử dân tộc, chương trình mới dành một số tiết về lịch sử thế giới nhằm tạo cho HS biết nhận thức toàn diện hơn ngay từ những năm đầu của cấp học.

Đây là thời kì lịch sử rất xa xưa, rất dài và hết sức phong phú, đa dạng, thậm chí có hàng loạt vấn đề còn đang được tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, xác định. Nhưng do yêu cầu của cấp học, HS chỉ được học một cách khái quát, sơ lược để có được những kiến thức ban đầu, nhất quán về lịch sử loài người cũng như về lịch sử dân tộc.

Mở đầu bằng những tiết học chung về môn Lịch sử, HS được cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết, tuy ở dạng sơ lược về môn học qua hai nội dung chủ yếu : *nhiệm vụ, chức năng của khoa học lịch sử và cách tính thời gian trong lịch sử*. Đây là những kiến thức không thể thiếu được đối với việc học tập lịch sử.

Phần tiếp theo, chương trình đề cập ngay phần lịch sử thế giới từ khi loài người xuất hiện đến thời cổ đại với những nội dung rất khái quát và sơ lược nhằm giúp HS có kiến thức lịch sử về cả loài người trước khi tập trung tìm hiểu lịch sử dân tộc.

Phần lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến đầu thế kỉ X là phần chính của lịch sử lớp 6, được dạy và học đến cuối năm học. Cấu trúc của phần này về cơ bản không có những thay đổi lớn so với chương trình lịch sử lớp 6 cũ, song có một số điểm cần lưu ý :

- Lượng kiến thức được "giản hoá" dưới những hình thức khác nhau nhưng đảm bảo tính liên tục của tiến trình lịch sử.
- Không đóng khung lịch sử trong một phạm vi không gian nhất định mà mở rộng ra cả nước nhằm tạo cho HS có nhận thức bao quát hơn, đầy đủ hơn về buổi đầu của lịch sử nước ta. Điểm này cũng tạo cơ sở để dạy – học bài học lịch sử địa phương đầu tiên.

2. Nội dung của chương trình

a) *Phần Mở đầu*, gồm 2 tiết, trình bày một số điều cần biết về môn Lịch sử ở mức độ sơ lược và bước đầu. Yêu cầu có vẻ thấp do vị trí của bài trong toàn bộ chương trình nhưng tầm quan trọng lại cao vì đây là những bài khái quát có ý nghĩa chi phối tư duy HS trong việc học tập lịch sử cụ thể sau đó, và lại là bài duy nhất được học ở toàn cấp phổ thông nói chung.

Phần này gồm hai nội dung chủ yếu :

- Kiến thức khái quát về khoa học lịch sử

- Khái quát về cách tính thời gian trong lịch sử

Điểm chính trong nội dung thứ nhất là khẳng định tính khoa học và cần thiết của bộ môn. Lịch sử đòi hỏi sự chính xác của sự kiện và nhận định, nghĩa là đòi hỏi những bằng chứng xác thực.

Điểm chính của nội dung thứ hai là học lịch sử phải biết tầm quan trọng của cách tính thời gian.

b) *Phần một – Khái quát Lịch sử thế giới cổ đại*, gồm 4 tiết về lịch sử thế giới thời nguyên thuỷ và thời cổ đại.

Cũng như phần Mở đầu, nội dung của phần này mang tính chất khái quát, hệ thống với ba nội dung chủ yếu là :

– Loài người đã xuất hiện trên Trái Đất như thế nào và vai trò của lao động trong quá trình biến chuyển của con người từ buổi sơ khai đến khi tiếp cận với thời kì xuất hiện những quốc gia đầu tiên.

- Sự hình thành và đặc điểm của các quốc gia cổ đại phương Đông.
- Sự hình thành và những đặc điểm của các quốc gia cổ đại phương Tây.
- Những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.

Về mặt thời gian, phần này tương ứng với phần Lịch sử Việt Nam.

Về mặt không gian, phần này bao quát toàn bộ thế giới cổ đại, có ý nghĩa làm nền cho việc học tập lịch sử dân tộc Việt Nam.

c) *Phần hai – Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X*

Trên cơ sở hai phần đầu, chương trình tập trung chủ yếu vào lịch sử dân tộc ở phần này. Đây vừa là nội dung chính của chương trình lịch sử lớp 6, vừa là phần được học một cách cụ thể và tuần tự theo thời gian đến cuối năm học.

– *Buổi đầu lịch sử nước ta*, bao gồm các đặc điểm cơ bản : con người xuất hiện trên đất nước ta vào thời gian nào, ở đâu, họ đã sống và lao động như thế nào và trên cơ sở đó mở rộng vùng cư trú, phát triển xã hội của mình ngày càng cao để tạo nên những nền văn hoá có ý nghĩa trung tâm, tạo nền cho sự hình thành của thời đại mới.

– *Thời đại dựng nước : Văn Lang – Âu Lạc*, với nội dung chính : Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc đã hình thành trên cơ sở nào, những đặc trưng kinh tế – văn hoá của cư dân Văn Lang và những hoạt động của họ nhằm bảo vệ độc lập và phát triển đất nước.

- Thời kì Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập, với hai nội dung cơ bản :
 - + Đấu tranh vũ trang giành độc lập.
 - + Những chuyển biến về kinh tế – văn hoá nhằm chuẩn bị cho thời đại độc lập sau này.

Bên cạnh hai nội dung cơ bản nói trên, có một tiết học về sự ra đời và tồn tại độc lập của quốc gia Cham-pa.

Cuối mỗi phần trên đều có tiết ôn tập nhằm giúp HS hệ thống hoá các kiến thức lịch sử của từng phần – chương và bồi dưỡng phương pháp tư duy lôgích. Trên cơ sở đó, HS có thể tiếp thu đúng đắn các tiết học lịch sử địa phương và chuẩn bị cho việc học tập các giai đoạn lịch sử sau này.

3. Định hướng về phương pháp dạy học

Trước hết, GV phải đổi mới cách suy nghĩ khi thực hiện chương trình lịch sử lớp 6 theo đúng mục tiêu chung của hệ thống giáo dục phổ thông, nghĩa là thay đổi từng bước phương pháp giảng dạy cũ "thầy nói – trò nghe và ghi chép" theo hướng "thầy – trò cùng làm việc" để đạt được những kiến thức cần thiết. Vậy làm thế nào để thay đổi ?

Như đã trình bày ở mục 2, nội dung của ba phần trong chương trình lịch sử lớp 6 vừa khác nhau về đối tượng, vừa khác nhau về yêu cầu nhận thức và truyền thụ. GV cần nắm chắc sự khác nhau đó để lựa chọn phương pháp giảng dạy thích hợp theo đúng mục tiêu chung.

Phần Mở đầu – Do tính khái quát cao, nặng về lí luận của phần này, GV nên liên hệ nhiều đến những sự vật, con người đang tồn tại xung quanh mình, hoặc khi cho HS quan sát các hình ảnh, cũng cần nắm vững tinh thần đó. Từ kết quả của việc trao đổi trên lớp, GV có thể giảng thêm nhưng có mức độ và sát thực tế.

Phần một – Nội dung khái quát và một số vấn đề mang tính lí luận như vai trò của lao động, sự phân hoá giai cấp, sự hình thành của Nhà nước v.v..., nên GV phải rất sáng tạo. Bên cạnh đó, GV cần chú ý việc sử dụng bản đồ, quan sát hình ảnh, liên hệ thực tế để từ đó đề ra được những câu hỏi thích hợp và cho HS cùng trao đổi. Nếu có những câu hỏi so sánh (như so sánh hai nền văn minh Đông và Tây), GV cần chỉ ra những sự vật cụ thể giúp HS tự tìm ra câu

trả lời. GV nên tìm hiểu thêm về các công trình văn hoá thời đó (qua sách vở hay qua vô tuyến truyền hình) để bài giảng thêm sinh động và hấp dẫn.

Phần hai – Phần chính của chương trình vừa được trình bày khá cụ thể, vừa thể hiện quá trình phát triển từ thấp đến cao của lịch sử dân tộc thời nguyên thuỷ và cổ đại. Tiếp tục phương pháp giảng dạy hai phần trước, GV lưu ý nhiều hơn đến các hình ảnh và sự việc cụ thể thời đó, giảm bớt những ý liên hệ thực tế hiện nay nhằm tăng tính lịch sử cho bài học.

GV cần đưa ra những gợi ý cho HS nhận xét : quan sát, so sánh tìm ra những đổi thay, biến chuyển, tiến bộ trong đời sống con người. Cần sử dụng những lược đồ lịch sử để HS hình dung được diễn biến của sự kiện. Ngoài ra, GV có thể kể sơ lược một số truyện cổ tích để bài học thêm sinh động.

Trong thời kì lịch sử này có thể chia làm hai phần :

– *Lịch sử thời nguyên thuỷ và dựng nước* – liên quan nhiều đến các hiện vật khảo cổ học. GV cần trang bị một số kiến thức về khoa học này để có thể định hướng trong phương pháp phát huy tính tích cực, chủ động của HS như : quan sát tình hình các hiện vật để từ đó có nhận xét, so sánh và tìm ra câu trả lời cần thiết. Từ kết quả của những câu trả lời, GV sẽ chọn phương pháp thích hợp để dẫn giảng.

– *Lịch sử thời Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập* – ít có điều kiện sử dụng hình ảnh hơn nhưng lại luôn phải dùng bản đồ. GV cần lưu ý đến việc định hướng cho những câu hỏi đặt ra, tránh cách dạy có tính áp đặt trước đây về các vấn đề nguyên nhân, tính chất. Dĩ nhiên, GV phải giảng kĩ hơn và nhấn mạnh những điểm chủ yếu của từng bài.

Cuối mỗi phần đều có tiết ôn tập. Theo mục tiêu chung, GV nên dành nhiều thời gian cho các tiết này để trao đổi cùng HS ; trên cơ sở đó, GV hệ thống hoá và rút ra nhận xét tổng quát.

Như đã trình bày, kênh hình (bao gồm cả bản đồ) không chỉ để minh họa mà còn là cơ sở để GV và HS cùng trao đổi, phát hiện nhằm nâng cao kĩ năng quan sát và tư duy độc lập của HS. Những gợi ý trên nhằm giúp GV thực hiện chương trình đổi mới theo đúng mục tiêu đào tạo đã đặt ra. Việc thực hiện cụ thể còn tùy thuộc vào những điều kiện sau đây :

- + Kỹ năng và trình độ hiểu biết về bộ môn của GV.
- + Kỹ năng sáng tạo, kinh nghiệm giảng dạy của GV.

- + Thiết bị, tài liệu cần thiết cho giảng dạy.
- + Khả năng và trình độ nhận thức của HS.
- + Không nhất thiết phải viết lên bảng đúng theo đề mục của SGK.

4. Định hướng sử dụng thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với việc đổi mới phương pháp dạy – học theo mục tiêu đề ra. Tuy vậy, khối lượng thiết bị dạy học tuỳ thuộc vào hoàn cảnh từng địa phương, từng trường. GV cần có một số thiết bị dạy học tối thiểu như lược đồ, tranh ảnh, sơ đồ đã có trong SGK.

Việc sử dụng thiết bị dạy học có thể thực hiện theo các hướng :

- Phục vụ việc quan sát, nhận xét, so sánh của HS nhằm giải đáp các câu hỏi trong SGK hay của GV.
- Phục vụ yêu cầu nhận thức về sự tiến bộ của loài người và của dân tộc ta.
- Giúp HS hình dung một cách đúng đắn về đất nước mình và thế giới ngày xưa.
- Phục vụ yêu cầu nhận thức về những thành tựu văn hoá của dân tộc.
- Phục vụ việc rèn luyện các kĩ năng cần thiết của môn Lịch sử.

5. Về cách kiểm tra, đánh giá HS

Căn cứ theo mức độ cung như tuỳ thuộc vào nội dung và thời gian học tập, GV có thể kiểm tra, đánh giá theo hướng :

- Trí nhớ, phân biệt các loại hình, chính phụ, những thay đổi...
- Khả năng suy luận, nhận xét, đánh giá về sự việc, qua so sánh tìm ra sự tiến bộ, thay đổi ; qua sự kiện nhận định về nguyên nhân, kết quả...
- Khả năng thực hành : sử dụng bản đồ, vẽ sơ đồ, ghi nhận đại...

Trên cơ sở những hướng chủ yếu đó, GV có thể tuỳ theo nội dung bài học để đặt ra các câu hỏi kiểm tra cần thiết nhằm đánh giá đúng kết quả của bài học, hướng HS vào các nội dung cơ bản của lịch sử và tự rèn luyện cách tư duy, kĩ năng cần thiết. Cần lưu ý, cách đánh giá trình độ và khả năng nhận thức của HS bao gồm cả hai mặt : *nội dung kiến thức và phương pháp học tập*.

Trên đây là những vấn đề chung của chương trình lịch sử lớp 6. GV cần hiểu và quán triệt nó trong quá trình giảng dạy.